

CÔNG TY
TNHH KIM THIÊN THỦY
Số: 02/KTT/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 13 tháng 07 năm 2020



GIẤY ĐĂNG KÝ NỘP BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật An toàn Thực phẩm trong đó có hướng dẫn về thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm và Nghị định 115/2018/ND-CP ngày 4/9/2018 về quy định xử phạt hành chính về ATTP;

Nay Công Ty TNHH Kim Thiên Thủy kính đề nghị được nộp về Sở Công Thương bản Tự công bố đối với sản phẩm:

1. Bột ngũ cốc yến sào.

Hồ sơ gồm có:

1. Bản tự công bố sản phẩm
2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm
3. Nội dung dự thảo ghi nhãn sản phẩm

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với tính pháp lý, an toàn chất lượng đối với sản phẩm công bố.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ!

Xin chân thành cảm ơn

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/KTT/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**

Địa chỉ trụ sở: Phòng số 32- Tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 62879133

Email: kimthienthuyccompany@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0312886305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 47/GCNATTP-SCT. Ngày Cấp/Nơi cấp: 30/12/2019, Nơi cấp: Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bột ngũ cốc yến sào

2. Thành phần: Ngũ cốc (bột mì, đậu nành, gạo, bắp, chiết xuất mạch nha) 35 %, sữa bột tách kem, đường, bột kem béo thực vật, yến sào 0,5 %, muối, hương vani tổng hợp.

Hướng dẫn sử dụng:

- Cách dùng: Cho 1 gói bột ngũ cốc yến sào vào tách. Châm vào 140 ml nước nóng (90 độ C- 100 độ C). Dùng muỗng khuấy đều và thưởng thức.

Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp. Sử dụng ngay khi mở gói.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Được ghi rõ trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PET/ Al/ LLDPE, bên ngoài được bọc bằng hộp giấy carton hoặc chất liệu bao bì khác theo nhu cầu của thị trường, bao bì sạch đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm.

Khối lượng tịnh: 25 g/ gói, 250 g (10 gói x 25 g); 500 g (20 gói x 25 g) hoặc khối lượng tịnh khác theo nhu cầu của khách hàng được thể hiện rõ ràng trên nhãn sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM KIM THIÊN THỦY – CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**

Địa chỉ sản xuất: Lô B3- Cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/ 2007 Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 13 tháng 07 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Phan Hoàng Linh



ĐU THẢO NHÂN: BỘT NGŨ CỐC YẾN SÀO



	Thông tin
Tên sản phẩm	Bột ngũ cốc yến sào
Thành phần	Ngũ cốc (bột mì, đậu nành, gạo, bắp, chiết xuất mạch nha) 35 %, sữa bột tách kem, đường, bột kem béo thực vật, yến sào 0,5 %, muối, hương vani tổng hợp.
Định lượng	Khối lượng tịnh: 25 g/ gói, 250 g (10 gói x 25 g); 500 g (20 gói x 25 g).
Hướng dẫn sử dụng	Cách dùng: cho 1 gói bột ngũ cốc yến sào vào tách. Châm vào 140 ml nước nóng (90 độ C – 100 độ C). Dùng muỗng khuấy đều và thưởng thức
Hướng dẫn bảo quản	Để nơi khô ráo, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp. Sử dụng ngay sau khi mở gói.
NSX HSD	NSX: in trên vỏ hộp. HSD: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
Xuất xứ	Việt Nam
Thương nhân chịu trách nhiệm	Công ty TNHH Kim Thiên Thủy. Địa chỉ: Phòng số 32- tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Nơi sản xuất	Sản xuất tại: Nhà Máy Chế Biến Thực Phẩm Kim Thiên Thủy- Chi Nhánh Công Ty TNHH Kim Thiên Thủy. Địa chỉ: Lô B3 - Cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.
STCB	06/KTT/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00019878
Mã số kết quả: AR-20-VD-022456-01 / EUVNHC-00095639



Công Ty TNHH Kim Thiên Thủy

Phòng số 32 - tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu: Bột ngũ cốc yến sào
Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu: 11/03/2020
Thời gian thử nghiệm: 12/03/2020 - 18/03/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 18/03/2020
Mã số PO của khách hàng: ZG4L200311091

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	9.1x10 ⁴
2	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=3)
5	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
6	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/g	AOAC 980.31	7.3x10 ⁴
8	VD0GC VD <i>Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc</i>	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD129 VD <i>Carbohydrates</i>	%	AOAC 986.25 mod.	77.6
10	VD165 VD (a)(f) <i>Béo</i>	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-050) ((Ref. FAO Food 14/7-1986))	11.0
11	VD263 VD (a)(f) <i>Protein</i>	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-047) ((Ref. FAO Food 14/7-1986))	4.85
12	VD543 VD <i>Năng lượng</i>	kcal/100 g	FAO 2013 77	429
13	VD565 VD (a) <i>Vitamin B1</i>	mg/100 g	Ref. BS EN 14122:2014	Phát hiện vết (<0.15)
14	VD569 VD (a) <i>Vitamin B12</i>	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) ((LC-UV))	1.23

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD865 VD (a) Vitamin B2 (riboflavin)	mg/100 g	BS EN 14152:2014 mod	Phát hiện vết (<0.15)
16	VD866 VD (a) Vitamin B6	mg/100 g	BS EN 14663:2005 mod	Phát hiện vết (<0.15)
17	VD049 VD (d) Alanin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Không phát hiện (LOD=0.02)
18	VD049 VD (d) Acid aspartic (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Không phát hiện (LOD=0.02)
19	VD049 VD (d) Cystine/Cysteine (tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	1.02
20	VD049 VD (d) Acid glutamic (tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	1.17
21	VD049 VD (d) Glycin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	0.32
22	VD049 VD (d) Histidin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	0.13
23	VD049 VD (d) 4-Hydroxyprolin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Không phát hiện (LOD=0.02)
24	VD049 VD (d) Isoleucin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Phát hiện vết (<0.1)
25	VD049 VD (d) Leucin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	0.31
26	VD049 VD (d) Lysin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	0.36
27	VD049 VD (d) Methionine (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Không phát hiện (LOD=0.02)
28	VD049 VD (d) Phenylalanin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	0.24
29	VD049 VD (d) Prolin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	0.49
30	VD049 VD (d) Serin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Không phát hiện (LOD=0.02)
31	VD049 VD (d) Threonin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Không phát hiện (LOD=0.02)
32	VD049 VD (d) Tyrosin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	1.11
33	VD049 VD (d) Valin (Tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	Phát hiện vết (<0.1)
34	VD049 VD (d) Amino acid (tổng)	g/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-044) ((GC-FID))	5.24
35	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	4.33

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
36	VD297 VD (a)(f) Tro tổng	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) ((Ref. FAO Food 14/7-1986))	2.25
37	VD128 VD (a) Canxl (Ca)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-010) ((Ref. AOAC 968.08 (2011)))	316
38	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) ((Ref. AOAC 2015.01))	9.6
39	VD855 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
40	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
41	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
42	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.004)
43	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/kg	Ref. AOAC International 84.6 (2001):1818-1827	Không phát hiện (LOD=0.5)
44	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/kg	Ref. EN 15850:2010	Không phát hiện (LOD=5)
45	VD069 VD (a) Deoxynivalenol	µg/kg	Ref. BS EN 15791:2009	Không phát hiện (LOD=50)
46	VD633 VD (a) Fumonisin tổng số	µg/kg	EN 14352:2004	Không phát hiện (LOD=100)
47	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
48	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
49	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
50	VD020 VD (a) Melamin	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) ((GC-MS))	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích




Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vĩ 15/04/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế

